

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC: 2026 – 2027

LỚP: LỚN 1

Căn cứ Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành thông sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch giáo dục phát triển nhà trường năm học 2026 – 2027;

Căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường và đặc điểm phát triển của trẻ lớp Lớn 1 tại trường mầm non Hồng Đào;

Lớp Lớn 1 xây dựng Kế hoạch giáo dục cho năm học 2026 – 2027 dựa trên mục tiêu Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ 5 tuổi.

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Quy mô nhóm, lớp

Sĩ số: 35 trẻ. Năm học 2026- 2027, nhà trường giao chỉ tiêu huy động trẻ ra lớp là 35 trẻ.

Hiện nay đã huy động được 33 trẻ (chưa đạt chỉ tiêu giao)

+ Nam: 14

+ Nữ: 21

Giáo viên chủ nhiệm: Lê Thị Thu Thảo

Hồ Thị Thanh Tú

2. Thuận lợi

- Trường mầm non Hồng Đào nằm trên địa bàn phường An Khê, an ninh trật tự tốt.

- Lớp Lớn 1 luôn được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo nhà trường đặc biệt là sự chỉ đạo sâu sát, tận tình của Ban giám hiệu trong các hoạt động của nhà trường.

- Đa số trẻ có kỹ năng tự phục vụ tốt, biết chào hỏi cô và ba mẹ khi đến lớp. Đa số trẻ được học từ các lớp dưới chuyển lên nên trẻ rất mạnh dạn, tự tin, có nền nếp học tập tốt.

- Phụ huynh rất nhiệt tình, hiểu và luôn phối hợp cùng với cô giáo và nhà trường trong công tác chăm sóc, nuôi dạy trẻ. Luôn hưởng ứng các hoạt động của trường, lớp.

- Lớp học được trang đồ dùng, đồ chơi đầy đủ, phù hợp với độ tuổi đáp ứng yêu cầu giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay.

- Các cô giáo có tư cách đạo đức tốt, nhiệt tình, trách nhiệm, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Tích cực tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực sư phạm cho bản thân. Biết ứng dụng CNTT trong các hoạt động. Có thể lồng ghép các phương pháp mang yếu tố nước ngoài như: Montessori, steam....

3. Khó khăn

- Về trẻ: Một số trẻ còn khóc nhè khi đi học, các kỹ năng tự phục vụ chưa linh hoạt, một số trẻ còn rụt rè chưa mạnh dạn tự tin trong giao tiếp.

- Về phụ huynh: Một số phụ huynh còn chưa quan tâm đến CTGDMN, chỉ quan tâm đến việc con mình có biết đọc, biết viết mà chưa chú trọng đến việc phát triển toàn diện hài hòa cho trẻ.

- Về lớp: Sĩ số trẻ đông nên việc chăm sóc giáo dục trẻ còn khó khăn. Cô giáo còn gặp khó khăn trong việc truyền đạt kiến thức cho trẻ.

III. MỤC TIÊU CHUNG

1. Mục tiêu

Giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

Giúp trẻ phát triển toàn diện qua 5 lĩnh vực: thể chất, ngôn ngữ, nhận thức, thẩm mỹ, tình cảm- kỹ năng xã hội

2. Kế hoạch thực hiện

a) Phân phối thời gian: Chương trình thực học 35 tuần, học kỳ I gồm 18 tuần; học kỳ II gồm 17 tuần. Ngày nghỉ lễ, nghỉ tết theo quy định.

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ THỰC HIỆN

NĂM HỌC: 2026 – 2027

LỚP: LỚN 1

Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian thực hiện	Ghi chú
HỌC KỲ I (Thực học 18 tuần)				
	Tự trường – Ổn định nề nếp	1	28/8 – 31/8	
	Ngày hội đến trường của bé	2	01/9 – 04/9	Ngày hội đến trường của bé

TRƯỜNG MẦM NON (4 tuần)	Bé vui đến trường	3	07/9 – 11/9	
	Lớp học yêu thương	4	14/9 – 18/9	
	Trăng rằm yêu thương	5	21/9 – 25/9	Trung thu
	Một ngày ở trường của bé	6	28/9 – 02/10	
BÉ VÀ CHÍNH MÌNH (3tuần)	Khám phá về bé	7	05/10 – 09/10	
	Cơ thể kỳ diệu?	8	12/10 – 16/10	
	Bé khỏe – Bé an toàn	9	19/10 – 23/10	PNVN 20/10
TỔ ẤM YÊU THƯƠNG (3 tuần)	Mái nhà ấm áp	10	26/10 – 30/10	
	Những người thân yêu	11	02/11 – 06/11	
	Đồ dùng trong gia đình	12	09/11 – 13/11	
BÉ TÌM HIỂU NGHỀ NGHIỆP (4 tuần)	Cô giáo – Người gieo yêu thương	13	16/11 – 20/11	NGVN 20/11
	Nghề truyền thống quê em	14	23/11 – 27/11	
	Ngành nghề quanh bé	15	30/11 – 04/12	
	Ước mơ của bé	16	07/12 – 11/12	
GIAO THÔNG (2 tuần)	Các phương tiện giao thông bé biết	17	14/12 – 18/12	
	Bé tập làm người đi đường an toàn	18	21/12 – 25/12	QĐNDVN 22/12
CÁC CHẤT HÒA TAN (2 tuần)	Các chất hoà tan	19	28/12 – 01/01	
	Bé tập pha màu	20	04/01 – 08/01	Sơ kết HKI
HỌC KỲ II (Thực học 17 tuần)				
THỰC VẬT (4 tuần)	Cây lớn lên như thế nào	21	11/01 – 15/01	
	Những cây lương thực quanh bé	22	18/01 – 22/01	
	Hoa quả bé thích	23	25/01 – 29/01	
	Bé vui đón Tết	24	01/02 – 05/02	Bé và mùa xuân
ĐỘNG VẬT (3 tuần)	Nghỉ tết Nguyên Đán	25	08/02 – 12/02	Nghỉ tết ND
		26	15/02 – 19/02	Ổn định nề nếp
	Động vật trên cạn và dưới nước	27	22/02 – 26/02	
	Thú dữ và thú hiền	28	01/03 – 05/03	
	Côn trùng có ích và có hại	29	08/03 – 12/03	Ngày hội của Bà, Mẹ và Cô giáo
	Đà Nẵng trong mắt em	30	15/03 – 19/03	

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG (3 tuần)	Mừng ngày Giải phóng TP Đà Nẵng	31	22/03 – 26/03	Giải phóng TP ĐN
	Món ngon quê hương	32	29/03 – 02/04	
THIÊN NHIÊN QUANH BÉ (2 tuần)	Không khí và ánh sáng	33	05/04 – 09/04	
	Mùa mưa bão quê em	34	12/04 – 16/04	
BÉ CHUẨN BỊ VÀO LỚP 1 (2 tuần)	Một ngày ở trường tiểu học	35	19/04 – 23/04	
	Hành trang vào lớp 1.	36	26/04 – 30/04	
PHƯỜNG AN KHÊ (2 tuần)	Mẹ Nhu – Người mẹ anh hùng	37	03/05 - 07/05	
	Đình làng An Khê	38	10/05 - 14/05	
BÁC HỒ TRONG TIM EM (1 tuần)	Bác Hồ - Người cho em tất cả	39	17/05 - 21/05	Sinh nhật Bác Hồ Hoàn thành năm học
TỔNG KẾT – PHÁT THƯỞNG		40	24/05 – 28/05	Tổ chức lễ ra trường Phát thưởng - Tổng kết năm học

b) Chế độ sinh hoạt

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ MẪU GIÁO

Thời gian	Hoạt động
80 - 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
30 - 40 phút	Học
40 - 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút	Ăn bữa chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn bữa phụ
70 - 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 - 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

3. Nội dung

a) Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

- Tổ chức ăn

+ Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:

Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.

Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.

+ Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

+ Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

+ Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

- Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

- Vệ sinh

+ Vệ sinh cá nhân.

+ Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

- Chăm sóc sức khỏe và an toàn

+ Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

+ Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

+ Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

b) Giáo dục

Nội dung giáo dục theo độ tuổi Mẫu giáo lớn 5-6 tuổi

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
1. Phát triển vận động	

a) Trẻ biết thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hệ hô hấp	
MT1. Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	Gà gáy
	Ngủ hoa
	Còi tàu
	Thổi bóng bay
	Đưa hai tay ra phía trước, lên cao.
	Hai tay đưa ra trước sang hai bên.
	Tay đưa ra phía trước, gập trước ngực.
	Tay đưa ngang, gập khuỷu tay
	Co duỗi từng tay kết hợp kiểm chân
	Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao
	Bụng – lườn:
	Cúi xuống 2 chân thẳng hai tay chạm mũi bàn chân.
	Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông.
	Hai tay dang ngang chân bước sang phải, sang trái.
	Ngửa người ra sau kết hợp tay dơ lên cao chân bước sang phải, sang trái
	Nghiêng người sang 2 bên, kết hợp tay chống hông chân bước sang phải, sang trái
	Chân:
	Đưa chân ra các phía
	Khuỵu gối
	Đưa lần lượt từng chân sang ngang.
	Bước khuỵu 1 chân ra phía trước, chân sau thẳng.
	Nâng cao chân, gập gối
	Bật nhảy:
	Nhảy lên

	Nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về phía sau.
	Đưa hai chân sang ngang
b) Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động	
MT2. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	Đi nôi bàn chân tiến, lùi
	Đi trên dây
	Đi trên ván kê dốc dài 2x0,3m
	Đi khuyu gối
	Đi bằng mép ngoài bàn chân
	Bật xa 40 - 50 cm
	Bật liên tục vào vòng
	Bật qua vật cản 15 - 20 cm.
MT3. Trẻ kiểm soát được vận động	Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.
	Đi đích dắc theo hiệu lệnh
	Chạy đích dắc theo hiệu lệnh
	Chạy chậm 100- 120m
	Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian
	Chạy 18m trong khoảng 10 giây
	Nhảy lò cò 5m
MT4. Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động.	Tung bóng lên cao và bắt bóng
	Tung, đập bắt bóng tại chỗ
	Đi và đập bắt bóng bằng 2 tay
	Ném xa bằng 1 tay
	Lăn bóng bằng 2 tay và đi theo bóng
	Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay
	Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay
	Bò chui qua ống dài 1,5 x 0,6m
	Trèo lên xuống 7 giống thang.
	Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5 m
	Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4 m.

	Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp
MT5. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp .	Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.
	Bò đích dắc qua 7 điểm, ném bóng vào rổ.
	Chạy thay đổi hướng theo hiệu lệnh, đập bắt bóng tại chỗ.
	Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân, bắt liên tục qua các vòng
	Bật - nhảy từ trên cao xuống 40 - 45cm, ném xa bằng 2 tay
	Bật tách chân, khép chân qua 7 ô
c) Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt	
MT6. Trẻ thực hiện được các vận động.	Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.
	Xé cắt dán đường vòng cung
	Bẻ, nắn.
	Lắp ráp.
MT 7. Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động.	Tô đồ theo nét
	Tự mặc, cởi được quần áo, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa, đóng mở phեcmotuya, luồn, buộc dây.
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
a) Cân nặng, chiều cao theo tuổi	
MT8 : Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	- Trẻ trai: cân nặng từ 15,9 – 27,1kg; chiều cao từ 106,1 – 125,8cm - Trẻ gái: cân nặng từ 15,3 – 27,8kg; chiều cao từ 104,9 – 125,4cm
b) Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	
MT 9. Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm.	Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.
MT 10. Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.	Một số loại bánh, hoa quả trong ngày tết trung thu.

	Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.
MT 11. Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe	- Các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng đủ chất, sự liên quan ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, béo phì)
	- Các đặc sản quê hương: Bánh gai, bánh gấc, bánh đậu xanh...
c) Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.	
MT12. Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản	Đi vệ sinh đúng nơi qui định, sử dụng đồ dùng đúng cách.
MT13. Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	Tự cầm bát thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi, đổ thức ăn.
d) Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
MT14. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống.	Mời cô ăn, mời bạn ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ. Không nói chuyện trong khi ăn. Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.
	Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
MT15. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh.	Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe: Vệ sinh răng miệng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn, che miệng khi ho, hắt hơi, khi ngáp.
	Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.
	Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.
	Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, sốt...nguyên nhân và cách phòng tránh.
e) Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	

MT 16. Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.	Tránh những hành động nguy hiểm và không chơi những vật dụng nguy hiểm như bếp lò đang đun, phích nước nóng, dao, kéo...nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần hoặc chơi những vật dụng đó.
MT17. Trẻ biết những nơi nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần	Không chơi gần những nơi nguy hiểm: ao, hồ, sông, giếng, bụi rậm...và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần
MT18. Trẻ biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh.	Không cười đùa trong khi ăn uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc.. - Không ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; Nhận biết rược bia, cà phê, hút thuốc lá có hại cho sức khỏe và không lại gần người đang hút thuốc lá. - Không tự ý uống thuốc.
MT 19. Trẻ biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ	Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm, gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu. Tránh một số trường hợp không an toàn: Không đi theo, không Nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép. Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. Không ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. Gọi người lớn giúp đỡ, nói được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân khi bị lạc...
MT 20. Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	Đi học đều, đúng giờ theo quy định.Sau giờ học về nhà ngay không tự ý đi chơi. Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. Không leo trèo cây, ban công, tường rào.
II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
1. Khám phá khoa học	

a) Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng	
MT21. Trẻ tò mò tìm tòi, thích khám phá hay đặt câu hỏi về các sự vật hiện tượng xung quanh.	Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh; Đặt câu hỏi tại sao, để làm gì, làm thế nào, khi nào...
MT22. Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật hiện tượng.	- Đặc điểm, lợi ích và tác hại của cây, hoa, quả, con vật.
	- Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của 1 số loại cây, con vật.
	Nói được đặc điểm, công dụng, chất liệu và cách sử dụng của một số đồ dùng, đồ chơi.
	Đặc điểm, công dụng, nơi hoạt động của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu; Một số quy định khi tham gia giao thông.
	Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.
	- Một số đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, cát, sỏi... - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
	Một số hiện tượng tự nhiên (nắng, mưa, bão lũ, gió, sấm chớp...)
MT23. Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.	Thử nghiệm đơn giản với các sự vật, hiện tượng gần gũi, phù hợp với trẻ .
	Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.
MT24. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	Xem sách tranh ảnh, băng hình... về đối tượng từ đó trò chuyện và thảo luận về đối tượng đó
MT 25. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.
	Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu.
	Loại một đối tượng không cùng nhóm

b) Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản

MT26. Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.	Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc
	Mối liên hệ đơn giản một số loại cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.
	Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.
	Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây cối.
	Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
	Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể
MT 27. Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	Thể hiện một số công việc theo cách riêng của mình

c) Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau

MT 28. Trẻ biết đưa ra nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.
	So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa quả; Cách chăm sóc chúng.
	Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng Các nguồn nước trong môi trường sống
MT 29. Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề.

2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

a) Nhận biết số đếm, số lượng

MT 30. Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi..	Trả lời được các câu hỏi như : Tất cả bằng bao nhiêu? Đây là số mấy ?
--	---

MT 31. Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
MT 32. Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả.	So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.
MT 33. Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
MT 34. Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	Tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
MT 35. Trẻ biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
MT 36. Trẻ biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).
b) Sắp xếp theo quy tắc	
MT 37. Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	Sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định.
MT 38. Trẻ biết nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	So sánh phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc
MT 39. Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	Tạo ra các quy tắc sắp xếp.
	Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan
c) So sánh 2 đối tượng	
MT 40. Trẻ sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau.
	Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
	Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
d) Nhận biết hình dạng	
MT 41. Trẻ biết ghép các hình hình học bằng các cách khác nhau.	Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu

	Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau
MT 42. Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ. So sánh và chỉ ra được điểm giống và khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật. Nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
e) Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	
MT 43. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
MT 44. Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm	Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai
	Gọi tên các thứ trong tuần.
	Các mùa trong năm và nói được đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống
3. Khám phá xã hội	
a) Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
MT 45. Trẻ nói được đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Họ tên, ngày sinh, giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. Vị trí của trẻ trong gia đình.
MT 46. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	Tên, tuổi, giới tính công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp và nơi làm việc của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
MT 47. Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình khi được hỏi, trò chuyện.	Địa chỉ, số nhà, đường, phố/ thôn, xóm, xã, huyện, số điện thoại của gia đình.
MT 48. Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Tên, địa chỉ của trường lớp. Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non.
MT 49. Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	Tên và công việc của các cô bác ở trường.

MT 50. Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Họ tên, đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
b) Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
MT 51. Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, đặc điểm, sự khác nhau, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề, nghề truyền thống của địa phương. Ví dụ: Nghề nuôi cá lồng, trồng cam canh, trang trại nuôi đà điểu, trang trại nuôi dê...
c) Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh	
MT 52. Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội..	Đặc điểm nổi bật của một số lễ hội và hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ: Lễ hội đình, chùa; lễ hội mùa xuân, Ngày hội đến trường của bé, bé vui tết trung thu.
MT 53. Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.
III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
1. Nghe hiểu lời nói	
MT 54. Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.	Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.
	Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động
MT 55. Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát	Hiểu các từ khái quát: đồ dùng gia đình, động vật, nghề nghiệp, phương tiện giao thông, thực vật...
	Một số từ trái nghĩa: Nước nóng – lạnh, bút ngắn – dài...
MT 56. Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: Tại sao? Có gì giống nhau? Có gì khác nhau? Do đâu mà có?
	Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	

MT 57. Trẻ kể được rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	Nói rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng.
MT 58. Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh	Sử dụng các danh từ, tính từ, động từ, từ biểu cảm chỉ tên gọi, hành động, tính chất sự biểu cảm trong câu nói phù hợp với hoàn cảnh trong sinh hoạt hàng ngày.
	Không nói tục chửi bậy
MT 59. Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng câu đơn, câu ghép khác nhau.
	Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
MT 60. Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	Kể lại sự việc theo trình tự.
MT 61. Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, hò, vè, câu đốphù hợp tuổi.
	- Đọc các bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, hò, vè, câu đốphù hợp tuổi.
MT 62. Trẻ kể có thay đổi một vài tình tiết trong nội dung truyện.	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
	Kể lại truyện đã được nghe và có thể thay đổi tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...
MT 63. Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện	Đóng kịch.
MT 64. Trẻ biết sử dụng các từ: Cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	Sử dụng các câu xã giao đơn giản để giao tiếp với mọi người như: Cảm ơn, xin phép, xin lỗi, dạ, vâng, tạm biệt, xin chào...
	Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.
MT 65. Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.

	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
MT 66. Trẻ biết khởi xướng cuộc trò chuyện theo nhu cầu của bản thân	- Mạnh dạn chủ động giao tiếp với mọi người xung quanh. - Đặt các câu hỏi: Tại sao? như thế nào? Làm bằng gì?
3. Làm quen với việc đọc – viết	
MT 67. Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem.	Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
	Đọc theo tranh truyện đã được nghe nhiều lần và “đọc” truyện qua các tranh vẽ.
	Thể hiện sự thích thú với sách
	Có hành vi giữ gìn bảo vệ sách
MT 68. Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh
	Kể truyện theo các tình huống và các hình ảnh mà trẻ thấy được
MT 69. Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	Phân biệt mở đầu, kết thúc của sách
MT 70. Trẻ biết một số kí hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	Nhận được các kí hiệu đồ dùng của trẻ như: Khăn mặt, tủ đồ dùng, ca cốc...
	Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
MT 71. Trẻ nhận dạng được các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	Nhận dạng và phát âm đúng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. So sánh điểm giống và khác nhau giữa các chữ cái trong nhóm có điểm tương đồng.
	Thích đọc những chữ đã biết có ở môi trường xung quanh
	Chữ cái có thể thay thế cho lời nói và các chữ viết ra có thể đọc được
	- Tập tô, tập đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.

MT 72. Trẻ biết tô đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu chữ cái, tên của mình.	- Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt, nghỉ sau các dấu.
IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI	
1. Thể hiện ý thức về bản thân	
MT 73. Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.	Thông tin quan trọng của bản thân và gia đình.
MT 74. Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	Sở thích, khả năng của bản thân.
MT 75. Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.
	Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân
MT 76. Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
MT 77. Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	Vâng lời người lớn, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo việc vừa sức.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực	
MT 78. Trẻ chủ động làm được một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	Chủ động và độc lập trong một số hoạt động
MT 79. Trẻ biết cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	Thực hiện công việc được giao và cố gắng thực hiện công việc đến cùng.
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	
MT 80. Trẻ biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	Một số trạng thái cảm xúc của người khác (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
MT 81 Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh

MT 82. Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau
	Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
	Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm và đồ chơi với bạn
	Sẵn sàng giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn
MT 83. Trẻ biết chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi	Dễ hòa đồng với bạn trong nhóm chơi
	Chủ động đến nói chuyện và sẵn lòng trả lời các câu hỏi với những người gần gũi
	Có nhóm bạn chơi thường xuyên
MT 84. Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác	Mô tả được hành động của mình có ảnh hưởng đến tình cảm và hành động của người khác
MT 85. Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	Xem tranh ảnh, video về Bác, về chỗ ở, nơi làm việc của Bác Hồ.
MT 86. Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	Nghe kể chuyện, hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ
	Kính yêu Bác Hồ.
MT 87. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. Di tích lịch sử: Đền Khúc Thừa Dụ, Đền Tranh, Đình Đông, Múa Rối Nước Hồng Phong.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
MT 88. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.	Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường)
	Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác
MT 89. Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi, lễ phép.	Sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự trong sinh hoạt hàng ngày: Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn, biết cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà...

MT 90. Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	Lắng nghe ý kiến của người khác
	Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện
MT 91. Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.	Xếp hàng, vui vẻ chờ đến lượt, không chen ngang, không xô đẩy người khác, không tranh giành đồ chơi của bạn khác
	Không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm
	Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận
MT 92. Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	Trao đổi, thỏa thuận, quan tâm, chia sẻ, lắng nghe, giúp đỡ bạn khi tham gia hoạt động
MT 93. Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	Kiểm chế những cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.
	Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết
	Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn
	Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn
5. Quan tâm đến môi trường	
MT 94. Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
MT 95. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	Giữ gìn vệ sinh môi trường
	Nhận ra các hình ảnh bỏ rác đúng nơi quy định trên các sản phẩm như: Vỏ bánh, vỏ kẹo, vỏ bim bim...
MT 96. Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	Nhận xét và tỏ thái độ với một số hành vi đúng - sai, tốt – xấu của con người đối với môi trường
MT 97. Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt	Tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt hàng ngày ở nhà và ở trường. Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.
V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật	
MT 98. Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. Bài hát: Hát về Hải Dương, Hồng Phong Tình Đất Tình Người, Về Ninh Giang...
MT 99. Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao và tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển. - Thể hiện cảm xúc phù hợp khi nghe các bài thơ, câu chuyện.
MT 100. Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	Thể hiện thái độ, tình cảm khi ngắm nhìn các tác phẩm tạo hình và biết sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	
MT 101. Trẻ nhận ra giai điệu của bài hát hoặc bản nhạc	Nghe và nhận ra sắc thái (vui hay buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát bản nhạc
MT 102. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	Hát đúng giai điệu bài hát, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
MT 103. Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.
MT 104. Trẻ phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.
MT 105. Trẻ biết phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Phối hợp các kĩ năng vẽ, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.

MT 106. Trẻ biết phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
MT 107. Trẻ biết phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	Phối hợp các kĩ năng nặn, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
MT 108. Trẻ biết phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
MT 109. Trẻ nhận xét được các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	
MT 110. Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.
	Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).
MT 111. Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	Sử dụng các dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu tự chọn trong các bài hát, bản nhạc.
MT 112. Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Nói lên được ý tưởng trong sản phẩm tạo hình của mình.
	Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
MT 113. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình, cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát	Đặt tên cho sản phẩm của mình.
	Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát.
MT 114. Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình	Làm ra sản phẩm tạo hình không giống các bạn khác.

4. Các hoạt động giáo dục, hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục

a) Các hoạt động giáo dục

- Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- + Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- + Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- + Trò chơi đóng kịch.
- + Trò chơi học tập.
- + Trò chơi vận động.
- + Trò chơi dân gian.
- + Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.
- Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

- Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

- Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nề nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

b) Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục

- Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- + Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.

- + Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3),

- Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- + Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.

- + Tổ chức hoạt động ngoài trời.

- Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- + Tổ chức hoạt động cá nhân.

- + Tổ chức hoạt động theo nhóm.

- + Tổ chức hoạt động cả lớp.

c) Phương pháp giáo dục

- Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

+ Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

+ Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

+ Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

+ Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

- Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (*quan sát, làm mẫu, minh họa*)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

- Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

- Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

- Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

+ Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

+ Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

- Giáo viên linh hoạt áp dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới và các Dự án để giúp trẻ phát triển một cách toàn diện.

+ Phương pháp Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

- + Phương pháp Montessori, Steam
- + Phương pháp giáo dục theo hướng tiếp cận Reggio Emilia.
- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa theo kế hoạch của chuyên môn trường:

- + Bé vui trung thu, phá cỗ
- + Ngày hội “Bé với công nghệ AI”
- + Hội thi “Bàn tay khéo - Gắn kết yêu thương”
- + Hội thi “Chiến sĩ tí hon”
- + Tổ chức Lễ hội bé với mùa xuân
- + Tham quan trải nghiệm tại Raku Farm
- + Hội thi “Bé khéo tay”, “Bé ngồi đúng tô chữ đẹp và làm quen với toán”
- + Tham quan trải nghiệm trường Tiểu học

5. Đánh giá sự phát triển của trẻ

a) Đánh giá trẻ hằng ngày

- Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

- Nội dung đánh giá
- + Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- + Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- + Kiến thức, kỹ năng của trẻ.
- Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- + Quan sát.
- + Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- + Sử dụng tình huống.
- + Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- + Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

b) Đánh giá trẻ theo giai đoạn

- Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

- Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

- Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

+ Quan sát.

+ Trò chuyện với trẻ.

+ Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.

+ Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.

+ Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

- Thời điểm và căn cứ đánh giá

+ Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.

+ Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi./.

Nơi nhận:

- Tổ trưởng

- HPCM

GVCN

Lê Thị Thu Thảo

Hồ Thị Thanh Tú